

**PHỤ LỤC 02**  
**BÁO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG TỈNH CÔNG BỐ THÁNG 12/2022**  
 (Kèm theo Văn bản số: /SXĐ-KTXĐ ngày tháng 12 năm 2022 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

Đơn vị tính: VND

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ	
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên		
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
<b>I. GẠCH CÁC LOẠI</b>																			
<b>GẠCH TUY NEN</b>																			
1	Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng, Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888, theo Báo giá số 219/2022/CV-Cty ngày 01/7/2022. Đơn giá được áp dụng từ ngày 06/6/2022 đến khi có thông báo giá mới của Cty.																		
<b>Gạch Tuynel Hiệp Thành</b>				Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Nhà máy Gạch Hiệp Thành: 14 Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng															
	Gạch 6 lỗ dài 7,5x11x24 (cm)	viên																	2.431
	Gạch góc 21 lỗ 7,5x11x24 (cm)	viên																	3.495
	Gạch ống 6 lỗ 7,5x11x17,5 (cm) A	viên																	1.667
	Gạch ống 6 lỗ 7,5x11x17,5 (cm) B	viên																	1.530
	Gạch ống 6 lỗ 7x 10x17 (cm)	viên	16:2019/BXD																1.501
	Gạch ống 4 lỗ 7,5x 7,5 x17,5 (cm) A	viên																	1.167
	Gạch ống 4 lỗ 7,5x 7,5 x17,5 (cm) B	viên																	991
	Gạch thẻ 2 lỗ 7,5x4x17,5 (cm)	viên																	1.018
<b>Gạch Tuynel Thạnh Mỹ</b>				Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Xí nghiệp gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ, đường Trần Bình Trọng, huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng															
	Gạch ống 6 lỗ tròn (7,5x11x17,5) cm	viên																	
	Gạch ống 6 lỗ tròn (7x 10x17) cm	viên																	1.435
	Gạch ống 4 lỗ tròn (7,5x11x17,5) cm	viên	16:2019/BXD																
	Gạch ống 2 lỗ tròn (7,5x4x17,5) cm	viên		1.028															
<b>II. ĐÁ CÁC LOẠI</b>																			
1	Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng, Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888, theo Báo giá số 10 /2022/TB-LBM ngày 18/8/2022.																		

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)													GHI CHÚ		
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh		Cát Tiên	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
	Đá 0x4 cm	m <sup>3</sup>		204.545		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện người mua tại kho của bên Bán tại mỏ đá Thôn 3, xã Đại Lào, Tp Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.													
	Đá 2x4 cm	m <sup>3</sup>		248.182															
	Đá 4x6 cm	m <sup>3</sup>		222.727															
	Đá sau nổ mìn	m <sup>3</sup>		204.545															
	Đá Dmax 100 (0,5cm÷10cm)	m <sup>3</sup>		222.727															
	Đá Dmax 60 (0,5cm÷6cm)	m <sup>3</sup>		222.727															
	Đá Dmax 40 (0,5cm÷4cm)	m <sup>3</sup>		222.727															
	Đá bột (mi bột)	m <sup>3</sup>		180.000															
2	Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.Theo Bảng Giá Vật liệu ngày 31/10/2022, áp dụng giá bán từ tháng 11/2022 của Công ty TNHH Hưng Nguyên.																		
	Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm, huyện Đơn Dương					Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển													
	Đá Loka	m <sup>3</sup>		300.000															
	Đá 1x2	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD	390.000															
	Đá 2x4	m <sup>3</sup>		370.000															
	Đá 0x4 qua Col	m <sup>3</sup>		360.000															
	Đá 4x6	m <sup>3</sup>		330.000															
	Đá 5x7	m <sup>3</sup>		330.000															
3	Công ty TNHH Hà Thanh, địa chỉ: Phúc Thọ 2, Tân Hà, huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.906789.Theo Bảng báo giá các loại đá xây dựng Tháng 9 năm 2022																		
	Đá mi sàng	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD	254.545.45		Giá bán tại mỏ đá Tân Hà huyện Lâm Hà chưa bao gồm cước vận chuyển													
	Đá 1x1.8	m <sup>3</sup>		363.636.36															
	Đá Dmax 25/0x25	m <sup>3</sup>		309.090.91															
	Đá Dmax 3,75/0x4	m <sup>3</sup>		281.818.18															
	Đá 2x4	m <sup>3</sup>		309.090.91															
	Đá 1x2	m <sup>3</sup>		336.363.64															
	Đá 4x6	m <sup>3</sup>		290.909.09															
	Đá 5x7	m <sup>3</sup>		290.909.09															

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)													GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
4	Công ty TNHH Khai thác Xây dựng Lộc Đại Phát. Địa chỉ Công ty: Thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh. Tỉnh Lâm Đồng. Địa điểm nơi sản xuất: mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh. Tỉnh Lâm Đồng. Theo Thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 27/6/2022 của Công ty. Đơn giá áp dụng từ ngày 27/6/2022 đến hết ngày 31/12/2022.																
	Đá 0x4 cm	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD	234.000		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng: tại mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh. Tỉnh Lâm Đồng											
	Đá 0x2,5 cm	m <sup>3</sup>		315.000													
	Đá 0,5 x1cm	m <sup>3</sup>		234.000													
	Đá 5x7 cm	m <sup>3</sup>		234.000													
	Đá 2x4 cm	m <sup>3</sup>		315.000													
	Đá 1x2 cm	m <sup>3</sup>		315.000													
5	Công ty TNHH Vitrac Lâm Đồng, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0918,741,189, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Huoai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/7/2022 đến khi có báo giá mới.																
	Đá dăm được nghiền từ sỏi cuội				Đơn giá mỏ cát lòng sông Đạ Huoai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng											Giá giao tại chân công trình (trong địa bàn huyện ≤10km)	
	Sỏi dăm 5x20mm	m <sup>3</sup>	350.000														
	Sỏi dăm 5x10mm	m <sup>3</sup>	350.000														
	Sỏi dăm 10x40mm	m <sup>3</sup>	350.000														
6	Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0948398398, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/7/2022 đến khi có báo giá mới.																
	Đá dăm được nghiền từ sỏi cuội				Đơn giá tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng											Giá giao tại chân công trình (trong địa bàn huyện ≤10km)	
	Sỏi dăm 5x20mm	m <sup>3</sup>	350.000														
	Sỏi dăm 5x10mm	m <sup>3</sup>	350.000														
	Sỏi dăm 10x40mm	m <sup>3</sup>	350.000														
7	Công ty TNHH Khai thác đá Thái Sơn, thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, số ĐT: 0986.092.279, địa điểm sản xuất tại thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Theo Bảng đơn giá các loại sản phẩm, đơn giá áp dụng bắt đầu từ ngày 01/11/2022 đến hết ngày 31/12/2022, những thay đổi về đơn giá đơn vị sẽ thông báo sau. Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng																
	Đá 1x2 (cm)	m <sup>3</sup>	380.000		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng												
	Đá 0x4 (cm)	m <sup>3</sup>	230.000														
	Đá mi	m <sup>3</sup>	230.000														
	Đá local	m <sup>3</sup>	280.000														
<b>III VẬT LIỆU CÁT</b>																	
1	Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063. Theo Bảng Giá Vật liệu ngày 31/10/2022, áp dụng giá bán từ tháng 11/2022 của Công ty TNHH Hưng Nguyên.																
	Cát nhân tạo (nghiền qua Col)	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD	530.000		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển											
2	Doanh nghiệp Tư nhân Ánh Tuyền, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0977,372,507, địa điểm sản xuất tại mỏ cát suối Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh, theo bảng báo giá của Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/7/2022 cho đến khi có báo giá mới.																
																Giá giao tại chân công trình (trong	

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đông Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
	Cát bê tông	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD	300.000		Đơn giá tại mỏ cát suối Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh										360.000		Đơn giá tại địa bàn huyện ≤10km
	Cát xây	m <sup>3</sup>		300.000												360.000		
3	Công ty TNHH Vitrac Lâm Đồng, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0918,741,189, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Huoai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/7/2022 đến khi có báo giá mới.																	
	Cát bê tông	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD	300.000		Đơn giá mỏ cát lòng sông Đạ Huoai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng										360.000		Gia giao tại chân công trình (trong địa bàn huyện ≤10km)
	Cát xây	m <sup>3</sup>		300.000												360.000		
4	Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0948398398, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/7/2022 đến khi có báo giá mới.																	
	Cát bê tông	m <sup>3</sup>	QCVN 16:2019/BXD	300.000		Đơn giá tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng										360.000		Gia giao tại chân công trình (trong địa bàn huyện ≤10km)
	Cát xây	m <sup>3</sup>		300.000												360.000		
IV	<b>ĐẤT SAN LẤP</b>																	
	Doanh nghiệp Tư nhân Ánh Tuyền, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT:0977,372,507, theo bảng báo giá của Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/7/2022 cho đến khi có báo giá mới.																	
	Đất cấp II	m <sup>3</sup>		35.000												85.000		Theo khối lượng được phép khai thác tận dụng. Giá giao tại chân công trình (trong địa bàn huyện ≤10km)
	Đất cấp III	m <sup>3</sup>		49.000												100.000		
V	<b>BÊ TÔNG NHỰA ĐƯỜNG</b>																	
1	Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng, Mỏ đá Hùng Vương, Tam Bó, Di Linh .Tỉnh Lâm Đồng.Điện thoại: 0919.706.065.Theo Bảng báo giá Bê tông nhựa nóng ngày 31/5/2022 của Công ty.																	
	<b>1. Trạm trộn Tam Bó - Di Linh</b>																	
	Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn		1.565.000		Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình												
	Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 12.5	đồng/tấn		1.610.000														
	<b>2. Trạm trộn Tân Hà - Lâm Hà</b>																	
	Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn		1.615.000		Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình												
	Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 12.5	đồng/tấn		1.660.000														
	<b>3.Trạm trộn Liêng Srôngh-Đam Rông</b>																	
	Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn		1.665.000		Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình												

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 12.5	đồng/tấn		1.710.000														
<b>VI BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM</b>																		
1	Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888, theo Thông Báo v/v Điều chỉnh giá bê tông thương phẩm ngày 03/8/2022.Đơn giá được áp dụng từ ngày 15/8/2022 đến khi có thông báo giá mới của Cty.																	
<b>1.1 Bê tông trộn sẵn (Mẫu đúc lập phương 15x15x15cm)</b>																		
<b>Khu vực Đà Lạt</b>						<b>Tại trạm trộn Đà Lạt</b>		Chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn Cam Ly (đường Nguyễn Đình Quân-Phường 5-Tp Đà Lạt) đến công trình trong bán kính 10 km.										
Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		1.416.667														
Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>			1.462.963														
Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>			1.509.259														
Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>			1.555.556														
Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>			1.611.111														
Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>			1.675.926														
Bê tông M400-R28 đá 1x2 độ sụt: 16±2cm	đ/m <sup>3</sup>			1.810.185														
<b>Khu vực Bảo Lộc</b>				<b>Chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn Tây Đại Lào, thành phố Bảo Lộc đến chân công trình trong bán kính 10km</b>														
Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)											1.203.704					Thông báo v/v điều chỉnh giảm Giá bê tông thương phẩm ngày 22/8/2022 của Cty CP Khoáng sản và Vật liệu XD Lâm Đồng
Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>													1.250.000				
Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>													1.296.296				
Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>													1.342.593				
Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>													1.407.407				
Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>																	
<b>Khu vực Huyện</b>				<b>Chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm Hiệp An, Trạm N'Thol Hạ, Trạm Tam Bồ...) đến chân công trình trong bán kính 10km</b>														
Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)												1.250.000				Địa bàn áp dụng: Đức Trọng, Đơn Dương, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đ.
Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>													1.296.296				
Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>													1.342.592				
Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m <sup>3</sup>													1.388.889				

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	d/m <sup>3</sup>												1.453.704				Tỉnh, Đạ Huoi
<b>VII Ống công bê tông</b>																		
1	<p><b>Công ty CP cấu kiện bê tông Quốc Vương, Địa chỉ : 10 Thi Sách, Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng, điện thoại: 0907.011.699.779 hoặc 0903.195.165. Theo báo giá số 1166/SXD-KTXD ngày 01/6/2022 của Công ty. Đơn giá có hiệu lực từ ngày 01/6/2022 đến khi có báo giá mới.</b></p> <p>Trụ sở chính: Số 10 Thi Sách, TT. Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng</p> <p>- Địa chỉ xưởng sản xuất 1: Km178 thôn Hiệp Hòa, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng</p> <p>- Địa chỉ xưởng sản xuất 2: CN 11, KCN Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng</p> <p>Số điện thoại: 02633,994,995 hoặc 0903195165</p>																	
<b>A. Công rung ép (Giá tại xưởng SX 1: Đức Trọng, Lâm Đồng)</b>																		
	Ống công bê tông rung ép Ø 400-VH	mét		485.000		Đơn giá tại nhà xưởng sản xuất 1: KM178 thôn Hiệp Hòa, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng (chưa bao gồm vận chuyển và phí cầu lên xe).												
	Ống công bê tông rung ép Ø 400-H10	mét		550.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 400-H30	mét		615.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 600-VH	mét		735.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 600-H10	mét		800.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 600-H30	mét		875.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 800-VH	mét		1.090.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 800-H10	mét		1.210.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 800-H30	mét		1.320.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 1000-VH	mét		1.650.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 1000-H10	mét		1.785.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 1000-H30	mét		1.930.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 1200-VH	mét		2.750.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 1200-H10	mét		3.050.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 1200-H30	mét		3.300.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 1500-VH	mét		3.950.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 1500-H10	mét		4.350.000														
	Ống công bê tông rung ép Ø 1500-H30	mét		4.750.000														
<b>B. Công ly tâm (Giá tại xưởng SX 2: Tp Bảo Lộc, Lâm Đồng)</b>																		
	Ống công bê tông ly tâm Ø 600-H10, L=4m	mét		860.000														

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)													GHI CHÚ														
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh		Cát Tiên													
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12														
	Ông công bê tông ly tâm Ø 600-H30,L=4m	mét		960.000		Đơn giá tại nhà xưởng sản xuất: CN11, Khu Công nghiệp Lộc Sơn.TP Bảo Lộc. Tỉnh Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển và phí cầu lên xe).																									
	Ông công bê tông ly tâm Ø 800-H10,L=4m	mét		1.290.000																											
	Ông công bê tông ly tâm Ø 800-H30,L=4m	mét		1.420.000																											
	Ông công bê tông ly tâm Ø 1000-H10,L=4m	mét		1.870.000																											
	Ông công bê tông ly tâm Ø 1000-H30,L=4m	mét		1.980.000																											
2	Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.Theo Bảng Giá Vật liệu ngày 31/10/2022, áp dụng giá bán từ tháng 11/2022 của Công ty TNHH Hưng Nguyên.																														
	<b>Ông công ly tâm:</b>																														
	Ông công Ø 800 dày 80mm-VH, L=3m	mét	TCVN 9113:2012	1.440.000		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm, Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển																									
	Ông công Ø 800 dày 80mm-H10, L=3m	mét		1.580.000																											
	Ông công Ø 800 dày 80mm-H30, L=3m	mét		1.690.000																											
	Ông công Ø 1000 dày 90mm-VH, L=3m	mét		2.030.000																											
	Ông công Ø 1000 dày 90mm-H10, L=3m	mét	TCVN 9113:2012	2.170.000																											
	Ông công Ø 1000 dày 90mm-H30, L=3m	mét		2.280.000																											
	Ông công Ø 1200 dày 120mm-VH, L=3m	mét		2.910.000																											
	Ông công Ø 1200 dày 120mm-H10, L=3m	mét		3.190.000																											
	Ông công Ø 1200 dày 120mm-H30, L=3m	mét	TCVN 9113:2012	3.400.000																											
	Ông công Ø 1500 dày 130mm-VH, L=2,5m	mét		3.980.000																											
	Ông công Ø 1500 dày 130mm-H10, L=2,5m	mét		4.500.000																											
	Ông công Ø 1500 dày 130mm-H30, L=2,5m	mét		4.590.000																											
<b>VII Vật liệu cửa</b>																															
1	Công ty TNHH TRẦN HOÀNG Đà Lạt. Địa chỉ: 218 Nguyễn Tử Lực, P8, Tp Đà Lạt. Xưởng sản xuất: 355 Nguyễn Tử Lực, P8, Tp Đà Lạt. Điện thoại: 0935.913.923 (Mr.Thuận), theo báo giá ngày 01/7/2022 của Công ty																														
	Cửa nhựa lõi thép Sea Profile					Đơn giá đã thi công hoàn thiện, công trình tại tỉnh Lâm Đồng, đã tính vật tư phụ kiện kèm theo.																									
	Cửa đi 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m <sup>2</sup>				2.389.000																									
	Cửa đi 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m <sup>2</sup>				2.389.000																									

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)													GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đon Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Cửa đi 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m <sup>2</sup>										2.463.000					
	Cửa sổ 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m <sup>2</sup>										2.389.000					
	Cửa sổ 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m <sup>2</sup>										2.156.000					
	Cửa sổ 3 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m <sup>2</sup>										2.156.000					
	Cửa sổ 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m <sup>2</sup>										2.156.000					
	<b>Cửa nhôm Xingfa German hệ 55</b>																
	Cửa đi 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 2mm	m <sup>2</sup>										3.198.000					
	Cửa đi 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 2mm	m <sup>2</sup>										3.198.000					
	Cửa đi 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 2mm	m <sup>2</sup>										3.198.000					
	Cửa sổ 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m <sup>2</sup>										2.973.000					
	Cửa sổ 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m <sup>2</sup>										2.973.000					
	Cửa sổ 3 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m <sup>2</sup>										2.973.000					
	Cửa sổ 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m <sup>2</sup>										2.973.000					
	<b>Cửa nhôm Germany hệ 900 và hệ 760</b>																

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
	Cửa đi 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.8mm	m <sup>2</sup>															3.898.000	
	Cửa đi 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.8mm	m <sup>2</sup>															3.898.000	
	Cửa đi 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.8mm	m <sup>2</sup>															3.898.000	
	Cửa sổ 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m <sup>2</sup>															3.473.000	
	Cửa sổ 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m <sup>2</sup>															3.473.000	
	Cửa sổ 3 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m <sup>2</sup>															3.473.000	
	Cửa sổ 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m <sup>2</sup>															3.473.000	
	Cửa cuốn nhôm công nghệ Đức 10kg/1m2 Ausdow	m <sup>2</sup>															2.850.000	